

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư công khẩn cấp Xây dựng Trường phổ thông
nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở Phố Bả

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo Kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư Trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi phí đầu tư phát triển kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương để thực hiện Thông báo Kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ chính trị về chủ trương đầu tư Trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT.

Căn cứ Văn bản số 6302/BGDĐT-KHTC ngày 08/10/2025 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền;

Căn cứ Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2024 để thực hiện Thông báo Kết luận số 81-TB/TW của Bộ chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp 06 dự án xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và Trung học cơ sở các xã biên giới, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 209/TTr-SXD ngày 16/12/2025; Văn bản Thông báo kết quả thẩm định số 2820/SXD-KT&GD&XD ngày 12/12/2025 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư công khẩn cấp: Xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở Phố Bàng với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở Phố Bàng.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Phố Bàng, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty TNHH xây dựng và thiết kế Tín Thành.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Dự án nhóm B, Công trình dân dụng, cấp III; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án từ 20-50 năm.

7. Mục tiêu dự án: Xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở Phố Bàng trên cơ sở tận dụng, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình của Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Phố Là và Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phố Là cũ; kết hợp đầu tư xây dựng mới các hạng mục còn thiếu, nhằm hình thành cơ sở giáo dục khang trang, hiện đại, đồng bộ, đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm đầy đủ điều kiện dạy và học, ăn ở, sinh hoạt tập trung cho học sinh nội trú; qua đó góp phần thực hiện chủ trương phát triển giáo dục vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất sẵn có, tiết kiệm ngân sách nhà nước và từng bước giảm khoảng cách chênh lệch về điều kiện học tập giữa miền núi và đồng bằng.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

8.1. Quy mô công trình

Tổng số học sinh dự kiến khoảng 1.085 học sinh. Diện tích khuôn viên trường khoảng $S=39.833\text{m}^2$.

8.2. Các hạng mục chính công trình

8.2.1. Hạng mục xây mới

a) Nhà nội trú giáo viên 3 tầng (Nhà số 11): Diện tích xây dựng $458,12\text{m}^2$, số tầng 3 tầng, tổng diện tích sàn 1.410m^2 . Kết cấu: Móng cọc ép, tiết diện cọc $250 \times 250\text{mm}$; phần thân khung bê tông cốt thép chịu lực; cột, dầm, sàn đổ liền khối (Toàn bộ kết cấu chịu lực sử dụng bê tông cấp độ bền B20). Công trình được bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC...đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

b) Nhà nội trú nam THCS 3 tầng (Nhà số 12): Diện tích xây dựng 3.053m^2 . Kết cấu: Móng cọc ép, tiết diện cọc $250 \times 250\text{mm}$; phần thân khung bê tông cốt thép chịu lực; cột, dầm, sàn đổ liền khối (Toàn bộ kết cấu chịu lực sử dụng bê tông cấp độ bền B20). Công trình được bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC...đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

c) Nhà nội trú nữ THCS 3 tầng (Nhà số 13): Diện tích xây dựng 3.244m^2 . Kết cấu: Móng cọc ép, tiết diện cọc $250 \times 250\text{mm}$; phần thân khung bê tông cốt thép chịu lực; cột, dầm, sàn đổ liền khối (Toàn bộ kết cấu chịu lực sử dụng bê tông cấp độ bền B20). Công trình được bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC...đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

d) Nhà nội trú nữ tiểu học 3 tầng (Nhà số 14): Diện tích xây dựng 1.563m^2 . Kết cấu: Móng cọc ép, tiết diện cọc $250 \times 250\text{mm}$; phần thân khung bê tông cốt thép chịu lực; cột, dầm, sàn đổ liền khối (Toàn bộ kết cấu chịu lực sử dụng bê tông cấp độ bền B20). Công trình được bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC...đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

đ) Nhà nội trú nam tiểu học 3 tầng (Nhà số 15): Diện tích xây dựng 1.744m^2 . Kết cấu: Móng cọc ép, tiết diện cọc $250 \times 250\text{mm}$; phần thân khung bê tông cốt thép chịu lực; cột, dầm, sàn đổ liền khối (Toàn bộ kết cấu chịu lực sử dụng bê tông cấp độ bền B20). Công trình được bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC...đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

e) Nhà đa năng 1 tầng (Nhà số 8): Diện tích xây dựng 1.104m^2 . Kết cấu: Móng cọc ép, tiết diện cọc $250 \times 250\text{mm}$; phần thân khung bê tông cốt thép chịu lực; cột, dầm, sàn đổ liền khối (Toàn bộ kết cấu chịu lực sử dụng bê tông cấp độ bền B20). Công trình được bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC...đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

g) Nhà lớp học lý thuyết tiểu học 3 tầng (nhà số 4): Diện tích xây dựng $572,5\text{m}^2$, tổng diện tích sàn 1.761m^2 . Kết cấu: Móng cọc ép, tiết diện cọc $250 \times 250\text{mm}$; phần thân khung bê tông cốt thép chịu lực; cột, dầm, sàn đổ liền

khô (Toàn bộ kết cấu chịu lực sử dụng bê tông cấp độ bền B20). Công trình được bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC...đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

h) Nhà lớp học lý thuyết THCS số 6: Diện tích xây dựng là 341m², số tầng 3 tầng, tổng diện tích sàn 1.023m². Kết cấu: Móng cọc ép, tiết diện cọc 250x250; phần thân khung bê tông cốt thép chịu lực; cột, dầm, sàn đổ liền khối (Toàn bộ kết cấu chịu lực sử dụng bê tông cấp độ bền B20). Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC...đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

i) Nhà lớp học lý thuyết THCS số 6A: Diện tích xây dựng là 90 m², số tầng 2 tầng, tổng diện tích sàn 180m². Kết cấu: Móng cọc ép, tiết diện cọc 250x250; phần thân khung bê tông cốt thép chịu lực; cột, dầm, sàn đổ liền khối (Toàn bộ kết cấu chịu lực sử dụng bê tông cấp độ bền B20). Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC...đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

k) Nhà lớp học bộ môn liên cấp số 5 + 7: Diện tích xây dựng 767,5m², số tầng 3 tầng, diện tích sàn 2.577m². Kết cấu: Móng cọc ép, tiết diện cọc 250x250; phần thân khung bê tông cốt thép chịu lực; cột, dầm, sàn đổ liền khối (Toàn bộ kết cấu chịu lực sử dụng bê tông cấp độ bền B20). Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC... đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

8.2.2. Hạng mục nâng cấp, cải tạo, sửa chữa

a) Nhà hiệu bộ Số 3, 3A (cải tạo từ nhà hiệu bộ, nhà lưu trú):

- Hiện trạng: Diện tích xây dựng nhà số 3 là 247,7m², diện tích xây dựng nhà số 3A là 225,95m²; tầng cao: nhà số 3 là 3 tầng và nhà số 3A là 2 tầng; diện tích sàn 1.195m².

- Nội dung cải tạo, sửa chữa: Sửa kiến trúc cột hành lang, lan can mặt tiền, cắt sê nô mái, mái và kèo sửa tận dụng, sơn lại màu nhà cho đồng bộ; các hạng mục còn lại của nhà giữ nguyên. Cải tạo, sửa chữa hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và hệ thống chống sét theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

b) Nhà lớp học lý thuyết THCS số 6A1 (cải tạo từ nhà lớp học):

- Hiện trạng: Diện tích xây dựng là 210,5m², số tầng 2 tầng, tổng diện tích sàn 421m².

- Nội dung cải tạo, sửa chữa: Sửa kiến trúc cột hành lang, lan can mặt tiền, cắt sê nô mái, mái và kèo sửa tận dụng, sơn lại màu nhà cho đồng bộ; các hạng mục còn lại của nhà giữ nguyên. Cải tạo, sửa chữa hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và hệ thống chống sét theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

c) Nhà ở ký túc xá nam Tiểu học (cải tạo từ nhà UBND xã Phó Là) số 23:

- Hiện trạng: Diện tích xây dựng là 346m², số tầng 2 tầng, tổng diện tích sàn 692m², trong đó diện tích sàn cải tạo là 454m².

- Phần xây bổ sung: Kết cấu phần mở rộng diện tích sàn xây mới là 238m^2 ; móng đơn bê tông cốt thép; phần thân khung bê tông cốt thép chịu lực; cột, dầm, sàn đổ liền khối (Toàn bộ kết cấu chịu lực sử dụng bê tông cấp độ bền B20). Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và hệ thống chống sét được thiết kế theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

8.3. Công trình hạ tầng kỹ thuật

a) San nền: Cao độ san nền thay đổi từ: $+71.27\text{m}$ đến $+76.90\text{m}$, san nền theo lưới ô vuông $10 \times 10\text{m}$; cao độ tự nhiên san nền lấy theo phương pháp nội suy các điểm có cao độ xung quanh nút tính toán, khối lượng san nền được tính toán riêng theo lô công trình, độ đầm chặt nền K85.

b) Kè chắn đất: Kè ốp mái sử dụng kè đá học B20; kè bán trọng lực sử dụng kè đá học, bê tông cấp độ bền B20.

c) Đường giao thông

* Đường lên trường mầm non: Theo quy mô đường cũ.

- Nền đường $B_n = 4,0\text{m}$.

- Mặt đường rộng $B_m = 3,0\text{m}$.

- Gia cố lề, kết cấu như mặt đường $B_{gc} = 0.5 \times 2 = 1.0\text{m}$.

- Mặt đường Bê tông M250 dày 18cm, dốc ngang $i_n = 2\%$

- Mái dốc ta luy nền đường đắp: 1/1,50.

- Mái dốc ta luy nền đường đào đất C3: 1/1,0

- Kết cấu mặt đường: Mặt đường BTXM mác 250, dày 18cm, Móng cấp phối đá dăm loại II dày 12cm lấy theo kết cấu mặt đường GTNT TCVN 10380:2014 điển hình áp dụng cho xây dựng mới, mặt đường bê tông cấp thôn xã có lưu lượng xe thiết kế (N_n), $xqđ/nd < 50$.

- Móng cấp phối đá dăm loại II dày 12cm.

* Đường lên trường liên cấp TH&THCS:

Theo quy mô đường GTNT cấp A miền núi.

- Nền đường $B_n = 6,0\text{m}$.

- Mặt đường rộng $B_m = 5,0\text{m}$.

- Lề đường $B_l = 0.5 \times 2 = 1,0\text{m}$.

- Gia cố lề 1 bên phía có kè ta luy dương, kết cấu như mặt đường $B_{gc} = 0.5 \times 1 = 0,5\text{m}$.

- Mặt đường Bê tông M250 dày 18cm, dốc ngang $i_n = 2\%$.

- Mái dốc ta luy nền đường đắp: 1/1,50.

- Mái dốc ta luy nền đường đào đất C3: 1/1,0.

- Kết cấu mặt đường: Mặt đường BTXM mác 250, dày 18cm lấy theo kết cấu mặt đường GTNT TCVN 10380 :2014 điển hình áp dụng cho xây dựng mới, mặt đường bê tông cấp thôn xã có lưu lượng xe thiết kế (Nn), $xqđ/nd < 50$.

- Móng cấp phối đá dăm loại II dày 12cm.

d) Hạng mục cây xanh.

đ) Hạng mục Cấp điện:

** Đường dây 35kV*

Tổng chiều dài tuyến 35kV xây dựng mới 56m. Điểm đầu: Cột số 01 lộ 373 E22.7 nhánh rẽ TBA Phố Là 3, cấp điện TBA trường Phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở Phố Bằng. Điểm cuối: TBA xây dựng mới 750kVA. Dây dẫn: Sử dụng cáp đồng ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W $3 \times 70 \text{mm}^2$. Cách điện: Sử dụng cách điện đứng VHD-35kV, cách điện đứng Polymer 35kV. Xà, giá đỡ chế tạo bằng thép hình và được mạ kẽm theo TCVN. Tiếp địa cột: Tiếp đất an toàn cột (RCD) cho vị trí cột lắp thiết bị cầu dao và đo đếm trung thế.

Tại cột điểm đầu vị trí cột số 01 lộ 373 E22.7 nhánh rẽ TBA Phố Là 3 lắp đặt 01 bộ cầu dao phụ tải LBS 35kV-630A và 01 bộ biến dòng đo đếm CPT 1 pha 40,5kV; 01 bộ chống sét van ZNO 35KV và các xà đỡ thiết bị và đường dây 35kV, thang trèo và thể thao tác. Từ cột điểm đầu rẽ nhánh cấp đến tủ RMU 35kV sử dụng cáp ngầm chống thấm dọc Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W - $3 \times 70 \text{mm}^2$.

** Trạm biến áp 35/0,4kV:*

Xây dựng mới 01 Trạm biến áp với các thông số chính sau:

- Kiểu TBA: Kiểu trạm Kios hợp bộ; Máy biến áp: Sử dụng loại 750kVA-35/0,4kV.

- Phía trung thế 35kV: Phía trung áp lắp tủ điện trọn bộ 01 tủ trung thế RMU 40.5kV gồm 03 ngăn có bộ chỉ thị báo sự cố đầu cấp đến, điện trở sấy theo nhiệt độ cho mỗi ngăn. Cầu dao phụ tải 35kV-630A-20kA/1s loại 3 vị trí (vị trí đóng, mở và nối đất); cầu chì bảo vệ máy biến áp; 01 ngăn dự phòng.

- Phía hạ thế 0.4kV: Tủ tổng hạ thế loại trong nhà 1 lớp cánh, vỏ sơn tĩnh điện gồm kích thước tủ: CxRxS:1800x1200x600mm; 01 ACB tổng 4P - 1.250A/75kA - 400V có bảo vệ từ và nhiệt theo tiêu chuẩn IEC; 02 MCCB nhánh 3P 400A/36kA; 01 MCCB nhánh 3P 250A/36kA; 02 MCCB nhánh 3P 150A/36kA; 01 MCCB nhánh 3P 125A/36kA có bảo vệ từ và nhiệt theo tiêu chuẩn IEC; máy biến dòng TI 1250/5A; tủ bù 450V dung lượng 350kVAr; thanh cái tủ sử dụng thanh đồng dẹt $2 \times 50 \times 5 \text{mm}^2$, có khả năng chịu được dòng ngắn mạch $\geq 50 \text{kA/s}$; nối từ cực hạ thế MBA sang tủ hạ thế: Sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC-0,6/1kV- $1 \times 300 \text{mm}^2$, mỗi pha 03 sợi, 2 sợi trung tính; Lắp tủ tụ bù hạ thế 7x50kVAr, cáp nối từ tủ bù sang tủ hạ thế tổng sử dụng thanh cái đồng $25 \times 4 \text{mm}^2$.

** Tuyến đường dây 0,4kV:*

Xây dựng mới tuyến đường dây cáp ngầm hạ áp 0,4kV xuất tuyến từ tủ tổng hạ thế tại Trạm biến áp với những đặc điểm sau:

- Cấp điện áp: 0,4kV; Số mạch: 01 mạch, 3 pha 4 dây, tần số sử dụng 50Hz; hệ thống cáp ngầm sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0,6/1kV được luôn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE đi ngầm trong hào cáp qua các hố ga kéo cáp tới các hạng mục công trình. Sử dụng dây dẫn loại 3x240+1x150mm²; 3x185+1x120mm²; 4x70mm²; 4x50mm²; 4x25mm²; 4x16mm²; 4x10mm²; 4x6mm²; 4x4mm²; cáp điện cho các lộ phòng cháy sử dụng cáp điện Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV tiết diện 4x50mm²; sử dụng Tủ phân phối (TĐ-PP) sau tủ điện phân phối của trạm biến áp (tủ điện nguồn không ưu tiên). TĐ-PP loại 2 lộ ra trong đó lắp 01 MCCB tổng 3P 400A/36kA – 400V, 01 MCCB nhánh 3P 20A/18kA-400V, 01 MCCB nhánh 3P 125A/18kA-400V; TĐ-PP loại 3 lộ ra trong đó lắp 01 MCCB tổng 3P 400A/36kA – 400V, 01 MCCB nhánh 3P 20A/18kA-400V, 01 MCCB nhánh 3P 125A/18kA-400V, 01 MCCB nhánh 3P 250A/18kA-400V; TĐ-PP loại 6 lộ ra trong đó lắp 01 MCCB tổng 3P 300A/18kA – 400V, 02 MCCB nhánh 3P 15A/18kA-400V, 01 MCCB nhánh 3P 25A/18kA-400V, 01 MCCB nhánh 3P 40A/18kA-400V, 01 MCCB nhánh 3P 75A/18kA-400V, 01 MCCB nhánh 3P 80A/18kA-400V.

- Tủ điện hạ thế TĐ-CC (tủ điện ưu tiên được cấp từ hai nguồn, 01 nguồn từ trạm biến áp và 1 nguồn từ máy phát điện 160kVA) cấp cho các phụ tải bơm chữa cháy khi mất điện lưới, ở chế độ bình thường 2 nguồn trên được kết nối với nhau bằng 01 MCCB 1250A/36kV-450A và khi có sự cố cháy xảy ra MCCB 1250A sẽ nhận tín hiệu từ tủ trung tâm báo cháy tự động tách và ngắt nguồn không ưu tiên ra khỏi lưới điện và tự động khởi động máy phát điện để cấp điện cho hệ thống PCCC.

+ Chiều dài tuyến cáp từ tủ điện phân phối của trạm biến áp và tủ điện TĐ-PP đến các hạng mục: Tuyến số 1: Xây dựng mới lộ cáp hạ áp xuất tuyến từ tủ điện phân phối của TBA cấp cho Nhà ký túc xã Nữ THCS số 13 chiều dài tuyến 131m; Tuyến số 2: Xây dựng mới lộ cáp hạ áp xuất tuyến từ tủ điện phân phối của TBA cấp cho Nhà ký túc xã Nữ TH số 14 chiều dài tuyến 43m; Tuyến số 3: Xây dựng mới lộ cáp hạ áp xuất tuyến từ tủ điện phân phối của TBA cấp cho Nhà ký túc xã Nam TH số 15 chiều dài tuyến 85m; Tuyến số 4: Xây dựng mới lộ cáp hạ áp xuất tuyến từ tủ điện phân phối của TBA đến tủ điện TĐ-PP-01 chiều dài tuyến 108m. Từ tủ điện TĐ-PP-01 cấp cho Nhà ăn bếp 1 chiều số 23 chiều dài tuyến 45m và cấp cho Nhà ký túc xá THCS số 17* chiều dài tuyến 65m; Tuyến số 5: Xây dựng mới lộ cáp hạ áp xuất tuyến từ tủ điện phân phối TĐ-PP-01 đến tủ điện TĐ-PP-02 chiều dài tuyến 112m. Từ tủ điện TĐ-PP-02 cấp cho Nhà hiệu bộ + Thư viện số 3 chiều dài tuyến 91m, cấp cho Nhà hiệu bộ + Thư viện số 3* chiều dài tuyến 58m, cấp cho Nhà học thông thường khối TH số 4 chiều dài tuyến 89m, cấp cho Nhà bộ môn khối TH số 6 chiều dài tuyến 161m, cấp cho Nhà học thông thường khối THCS số 6* chiều dài tuyến 112m và cấp cho Nhà bộ môn khối THCS số 7 chiều dài tuyến 98m; Tuyến số 6: Xây

dựng mới lộ cáp hạ áp xuất tuyến từ tủ điện phân phối của TBA đến tủ điện TĐ-PP-03 chiều dài tuyến 230m. Từ tủ điện TĐ-PP-02 cấp cho Nhà ký túc xã Giáo viên 2 tầng số 11 chiều dài tuyến 32m, cấp cho Nhà ký túc xá Nam THCS số 12 chiều dài tuyến 64m, cấp cho Nhà thi đấu đa năng số 8 chiều dài tuyến 127m;

+ Chiều dài tuyến cáp từ tủ điện phân phối của TBA cấp đến tủ điện TĐ-CC của trạm bơm chữa cháy, chiều dài tuyến 241m, cấp đến tủ điện TĐ-HT báo cháy, chiều dài tuyến 250m, cấp đến tủ điện TĐ bơm nước sinh hoạt, chiều dài tuyến 241m và cấp đến tủ điện TĐ chiếu sáng ngoài nhà, chiều dài tuyến 220m.

8.4. Công trình phụ trợ

a) Cổng: Móng, cột trụ, khung đỡ bê tông cốt thép, xây gạch đặc ốp trụ, trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm. Sơn 3 lớp, 1 lớp lót, 2 lớp hoàn thiện; mái dãn ngói âm dương; cánh cổng thép hộp sơn tĩnh điện.

b) Tường rào: Nằm chủ yếu trên đỉnh kè chắn đất; tường, trụ cột xây gạch đặc, trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm. Sơn 3 lớp, 1 lớp lót, 2 lớp hoàn thiện; hoa sắt tường rào bằng thép hộp sơn tĩnh điện.

c) Nhà bếp + ăn số 17, 17*: Diện tích xây dựng 763m², số tầng: Nhà số 17 là 1 và 2 tầng; Nhà số 17* là 1 tầng, diện tích sàn 1.022 m². Kết cấu: Móng cọc ép, tiết diện cọc 250x250; phần thân khung bê tông cốt thép chịu lực; cột, dầm, sàn đổ liền khối (Toàn bộ kết cấu chịu lực sử dụng bê tông cấp độ bền B20). Công trình được bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC...đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

d) Nhà bảo vệ: Mái bê tông cốt thép B20, dãn ngói âm dương; tường xây gạch đặc 220x105x65mm, xây, trát vữa xi măng mác 75. Sơn 3 lớp, 1 lớp lót, 2 lớp hoàn thiện; chân móng ốp đá rêu tự nhiên; chân tường trong nhà ốp gạch granite 120x600mm; nền lát gạch granite 600x600mm. Trần trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm. Sơn 3 lớp, 1 lớp lót, 2 lớp hoàn thiện.

đ) Nhà để xe số 10: Diện tích xây dựng 240m² diện tích sàn 240m². Kết cấu khung thép, cột bằng thép ống D113,5mm, xà gồ thép hộp 60x30x1,4mm sơn tĩnh điện, mái lợp tôn sóng dày 0,4mm. Nền bê tông B15 dày 15 cm.

e) Sân bê tông đổ bê tông B15, dày 100, đệm cát dày 30. Cắt khe co giãn ô 5mx5m bằng máy, mặt mài nhẵn.

8.5. Thiết bị

Trang thiết bị phục vụ trường học như bàn, ghế, giường, tủ,...đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

9.1. Số bước thiết kế: 02 bước (*Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công triển khai sau thiết kế cơ sở*).

9.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam gồm: Tập 1, tập 2, tập 3 của Bộ Xây dựng.

- QCVN 02:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- QCVN 03:2022/BXD - Quy chuẩn quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng.

- QCVN 05:2008/BXD - Quy chuẩn quốc gia về Nhà ở và công trình công cộng- An toàn sinh mạng và sức khoẻ.

- Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 09:2017/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

- QCVN 10:2024/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng.

- QCVN 12:2014/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống điện của tòa nhà và công trình.

- QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

- TCVN 9437:2012 - Khoan thăm dò địa chất công trình.

- TCVN 8793:2011 - Trường tiểu học - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 8794:2011 - Trường trung học - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 2737:2023 - Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9362:2012 - Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.

- TCVN 5574:2018 - Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.

- TCVN 5573:2011 - Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4474:1987 - Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5687:2024 - Thông gió, điều hoà thông khí - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207:2012 - Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9206:2012 - Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 7490:2005 - Ergonomi - Bàn ghế học sinh tiểu học và trung học cơ sở - Yêu cầu về kích thước cơ bản theo chỉ số nhân trắc của học sinh.

- TCVN 7491:2005 - Ergonomi - Bố trí bàn ghế học sinh trong phòng học.

- TCVN 3890 - 2023 - Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác có liên quan do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 191.980.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi một tỷ, chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí BT, HTTĐC:	4.800.000.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	160.735.558.169	đồng
- Chi phí thiết bị:	8.415.295.003	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	4.095.488.355	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.348.352.651	đồng
- Chi phí khác:	2.332.050.886	đồng
- Chi phí dự phòng:	2.253.254.936	đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2026.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

12.1. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

12.2. Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2025: Vốn ngân sách Trung ương (Giao tại Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ).

- Năm 2026: Dự kiến tiếp tục sử dụng nguồn ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

Điều 2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác, sự tuân thủ quy định của pháp luật đối với các nội dung thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án.

Điều 3. Chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về thông tin, số liệu của hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án.

2. Có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các nội dung theo ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 2820/SXD-KT&GĐXD ngày 12/12/2025 và

nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về dự án đầu tư công khẩn cấp và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Giao Sở Tài chính tổ chức thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu của dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giao các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công thương và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện nội dung tại Quyết định này bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện dự án không được để xảy ra các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, thất thoát vốn ngân sách nhà nước.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực VIII, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phố Bàng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QHĐT XD. (TPL)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vương Ngọc Hà